

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 25-4-2024

“V/v tranh chấp về hôn nhân
và gia đình - Ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đặng Thị Thanh Thảo

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Lê Quang Thanh

Bà Lê Thị Duy Linh

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Phan Minh Trí - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh.

Ngày 25 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 36/2024/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 3 năm 2024 về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 144/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 09 tháng 4 năm 2024, giữa:

- *Nguyên đơn:* Trần Thị M, sinh năm: 1987;

Hộ khẩu thường trú: Số nhà A, đường T, Tổ E, Ấp C, xã M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ liên hệ: Ấp E, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Nguyễn Hoàng P, sinh năm: 1981;

Địa chỉ: Số nhà A, đường T, Tổ E, Ấp C, xã M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị M, anh P có mặt phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà chị Trần Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh P kết hôn vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp, giấy chứng nhận kết hôn số 13/KH, ngày 04/5/2006. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, đến năm 2023 thì vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh P có người thứ ba và thường xuyên có lời lẽ xúc phạm chị, vợ chồng đã nhiều lần tìm cách hòa giải, hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Ngoài ra, chị còn có những mâu thuẫn với gia đình anh P nên không thể về chung sống được. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống vợ chồng không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng P.

Tại phiên toà, chị vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng P, chị không yêu cầu xem xét hành vi anh P có người thứ ba.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Phúc N, sinh ngày 17/7/2006; Nguyễn Trần Mỹ N1, sinh ngày 04/09/2010. Hiện nay, 02 con chung đang sống chung với anh P. Sau khi ly hôn, chị đồng ý giao con chung là Nguyễn Phúc N và Nguyễn Trần Mỹ N1 cho anh Nguyễn Hoàng P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị không đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Phúc N và Nguyễn Trần Mỹ N1.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà bị đơn Nguyễn Hoàng P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh thống nhất lời trình của chị M về thời gian kết hôn, thời gian chung sống. Anh thừa nhận trong quá trình chung sống có những lỗi lầm như chị M trình bày. Tuy nhiên, anh không đồng ý ly hôn để cùng chăm lo cho con cái, anh sẽ cố gắng sửa chữa lỗi lầm và duy trì gia đình. Vì vậy, anh không đồng ý ly hôn với chị Trần Thị M.

Về con chung: Anh thống nhất như chị M trình bày. Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Phúc N, sinh ngày 17/7/2006; Nguyễn Trần Mỹ N1, sinh ngày 04/09/2010. Hiện nay, 02 con chung đang sống chung với anh P. Anh không thống nhất ly hôn, tuy nhiên nếu ly hôn anh đồng ý nuôi hai con

chung là Nguyễn Phúc N và Nguyễn Trần Mỹ N1. Anh không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, anh không có yêu cầu gì khác và cũng không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án xác định nguyên đơn chị Trần Thị M yêu cầu được ly hôn và yêu cầu về con chung với anh Nguyễn Hoàng P, như vậy quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn, nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn Nguyễn Hoàng P có địa chỉ tại xã M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị M và anh Nguyễn Hoàng P kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, thành phố C, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 13/KH, ngày 04/5/2006 nên quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh P là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Chị Trần Thị M khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn Hoàng P vì mâu thuẫn gia đình không thể hàn gắn.

Tại phiên tòa, anh P không đồng ý ly hôn, thừa nhận có những lỗi lầm như chị M trình bày nhưng từ khi ly thân, anh P không thể hiện ý muốn hàn gắn, ngoài ra chị M còn có những mâu thuẫn với gia đình anh P, quan hệ hôn nhân của anh chị có nhiều mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị M là phù hợp với Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

Về con chung: Chị Trần Thị M và anh Nguyễn Hoàng P có 02 con chung tên Nguyễn Phúc N, sinh ngày 17/7/2006; Nguyễn Trần Mỹ N1, sinh ngày 04/09/2010. Hiện nay, 02 con chung đang sống chung với anh P. Cháu

Nguyễn Phúc N có văn bản đồng ý sống chung với cha và tại phiên toà, cháu Nguyễn Trần Mỹ N1 thống nhất sống chung với cha.

Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi chị M và anh P không sống chung đến nay, con chung đều sống chung và gần gũi với anh P ổn định thời gian dài, phát triển tốt về mọi mặt và các con chung đều thống nhất sống chung với anh P. Do đó, Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện thoả thuận của chị M và anh P về việc nuôi con chung. Giao hai con chung tên Nguyễn Phúc N, sinh ngày 17/7/2006; Nguyễn Trần Mỹ N1, sinh ngày 04/09/2010 cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng, theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh P không yêu cầu, chị M không tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không được quyền nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp người không được quyền nuôi con chung lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người được quyền nuôi con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không được quyền nuôi con chung.

Người được quyền nuôi con chung cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không được quyền nuôi con chung trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị M phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị M. Chị Trần Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng P.

Về con chung: Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị Trần Thị M và anh Nguyễn Hoàng P về việc nuôi con chung. Giao hai con chung tên Nguyễn Phúc N, sinh ngày 17/7/2006; Nguyễn Trần Mỹ N1, sinh ngày 04/09/2010 cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không được quyền nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp người không được quyền nuôi con chung lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người được quyền nuôi con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không được quyền nuôi con chung.

Người được quyền nuôi con chung cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không được quyền nuôi con chung trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị Trần Thị M phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0000400 ngày 06/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp. Chị Trần Thị M đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình ly hôn; Anh Nguyễn Hoàng P không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình ly hôn.

Nguyên đơn Trần Thị M, bị đơn Nguyễn Hoàng P có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND TPCL;
- UBND xã Mỹ Trà, TPCL;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Thị Thanh Thảo